

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST
Ngày 07-7-2021
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ PHỐ HẢI PHÒNG**

- *Th1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Minh Nguyệt;

Ông Nguyễn Huy Vĩnh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Th1 phố Hải Phòng.

Ngày 07 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Th1 phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 21/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương Th, sinh năm 1998; nơi cư trú: Số 3/100 Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, Th1 phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1994, hộ chiếu số: C0626157 cấp ngày 25/8/2015 tại Cục Quản lý Xuất nhập cảnh, hiện cư trú tại: Tokyo Toshimaku - Higashiikebukuro 2-37-8 Touyousou A-1, Nhật Bản; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Phương Th trình bày:

Chị Th và anh Nguyễn Văn Th1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/8/2017 tại Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Fukuoka Nhật Bản. Sau khi kết hôn, chị Th đã trở về Việt Nam vào ngày 19 tháng 11 năm 2017, còn anh Th1 ở lại Nhật Bản. Từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên

xảy ra cãi vã. Tình cảm vợ chồng dần trở nên lạnh nhạt. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không còn khả năng đoàn tụ nên chị Nguyễn Thị Phương Th làm đơn xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th1.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Phương Th và anh Nguyễn Văn Th1 không có con chung.

Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn trình bày của anh Nguyễn Văn Th1 được hợp pháp hóa lãnh sự trình bày: Thống nhất với lời khai của chị Nguyễn Thị Phương Th về quan hệ hôn nhân, lý do mâu thuẫn. Hiện anh Th1 ở Nhật Bản còn chị Th ở Việt Nam, hai bên không thể đoàn tụ với nhau. Anh Th1 nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương Th và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị Th được ly hôn.

Về con chung: Anh Th1 và chị Th không có con chung.

Về tài sản chung: Anh Th1 và chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Phương Th làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Th1 phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Văn Th1. Anh Nguyễn Văn Th1 hiện đang cư trú tại Nhật Bản. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Th1 phố Hải Phòng.

[2] Chị Nguyễn Thị Phương Th và anh Nguyễn Văn Th1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có ý kiến yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Th1 phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương Th và anh Nguyễn Văn Th1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 8 năm 2017 tại Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Nhật Bản. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Chị Nguyễn Thị Phương Th và anh Nguyễn Văn Th1 thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng ở xa nhau quá lâu nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay chị Th và anh Th1 mỗi người ở một nơi, anh Th1 hiện đang cư trú tại Nhật Bản còn chị Th ở Việt Nam. Hai người đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2017 cho đến nay. Xét việc chị Nguyễn Thị Phương Th và anh Nguyễn Văn Th1 cùng thuận tình yêu cầu ly hôn, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị

Th và anh Th1 đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 55 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương Th và anh Nguyễn Văn Th1.

[5] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Phương Th và Anh Nguyễn Văn Th1 không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung: Chị Th và anh Th1 đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 55, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 151, Điều 152, Điều 153, Điều 154, khoản 1 Điều 228, Điều 273, Điều 469, Điều 470, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Phương Th và anh Nguyễn Văn Th1 được ly hôn.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Phương Th và anh Nguyễn Văn Th1 không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Phương Th và anh Nguyễn Văn Th1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số **0018754** ngày 22 tháng 02 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự Th1 phố Hải Phòng; chị Nguyễn Thị Phương Th đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Phương Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Anh Nguyễn Văn Th1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)
Trần Thị Vân Thúy**